

Bản án số: 54a/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Phan Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.

Số điện thoại: 0335.319.426

- Bị đơn: anh Đoàn Văn B, sinh năm 1976

Số điện thoại: 0387.069.826

Cùng địa chỉ: ấp PT, xã TP, huyện TS, tỉnh An Giang

Nguyên đơn chị L, bị đơn anh B có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị với anh Đoàn Văn B chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B ngoại tình, vợ chồng cũng chính thức sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, không muốn hàn gắn lại nên chị L yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L xin được ly hôn với anh Đoàn Văn B.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Đoàn Minh Th sinh ngày 03/01/1997 (đã trưởng thành) và Đoàn Minh Th1 sinh ngày 17/9/2004. Sau ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại tờ tự khai ngày 10/5/2022, anh Đoàn Văn B trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1996, không tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Đến năm 2012, do cuộc sống khó khăn nên hai vợ chồng quyết định lên Bình Dương làm ăn. Đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung được nữa nên anh với chị L quyết định sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay ý kiến của anh B như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Đoàn Văn B đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Đoàn Minh Th sinh ngày 03/01/1997 (đã trưởng thành) và Đoàn Minh Th1 sinh ngày 17/9/2004. Sau ly hôn tùy quyết định của con, con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Đoàn Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp PT, xã TP, huyện TS, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Đoàn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn B chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn lại được nên chị L xin được ly hôn với anh B. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Như vậy, mặc dù chị L và anh B đã chung sống với nhau một thời gian dài nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa ông, bà là vợ chồng nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh B là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn B.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị L và anh B thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Minh Th sinh ngày 03/01/1997 (đã trưởng thành) và Đoàn Minh Th1 sinh ngày 17/9/2004. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022, mong muốn của cháu Th là được tiếp tục sống với chị L sau khi ba mẹ ly hôn. Xét thấy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, căn cứ vào điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Th cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: ghi nhận không có.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, các yêu cầu khác được chấp nhận.

[3] Về án phí: chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, khoản 2 điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn B.

- Về quan hệ con chung: giao con chung Đoàn Minh Th1 sinh ngày 17/9/2004 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L phải tạo điều kiện cho ông B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009129 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện TS;
- Chi Cục THADS huyện TS;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Thị Thu Nguyệt

Phan Minh Quốc

Nguyễn Hoài Lâm